

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 Quang Trung, Khóm 3, P.5, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có

V Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính**

1.1. Quản lý rủi ro vốn: Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hoá lợi ích của Cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

1.2. Tài sản tài chính: Là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Khoản mục	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền và tương đương tiền	23.736.657.067	23.736.657.067
- Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
- Các khoản nợ phải thu ngắn hạn	27.996.180.580	27.996.180.580

1.3. Công nợ tài chính: Các khoản công nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực Kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty:

Khoản mục	Số dư ngày 31/12/2017
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	27.074.982.424
- Phải trả người bán	20.615.516.644
- Phải trả nội bộ và phải trả khác	111.895.418.901

1.4. Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do trong nước thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro về việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc mua hàng từ nhiều nhà cung cấp ở các địa phương khác nhau, cũng như linh hoạt việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua, linh hoạt các biện pháp thu hồi vốn.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	-	27.074.982.424	27.074.982.424
- Phải trả người bán	20.615.516.644	-	20.615.516.644
- Phải trả nội bộ và phải trả khác	111.895.418.901	-	111.895.418.901

1.5. Quản lý rủi ro thị trường*Rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ.... có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

	Tài sản tài chính	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
USD	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	-
EUR	5.896.361	5.896.361
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.896.361	5.896.361

	Công nợ tài chính	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
EUR	25.016.053.438	26.880.796.064
Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn	-	-
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	25.016.053.438	26.880.796.064
Cộng	25.016.053.438	26.880.796.064

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Các khoản đầu tư này được nắm giữ không nhằm mục đích kinh doanh mà phục vụ chiến lược phát triển lâu dài

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu rủi ro khi có sự biến động tăng giá của giá bán hàng hóa. Công ty chưa áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro của nghiệp vụ này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

IX. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là cấp nước và những dịch vụ liên quan đến hoạt động cấp nước, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

X. Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

XI. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 17/02/2016 đến 30/06/2016 và báo cáo tài chính năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ĐFK Việt Nam.



Kế toán trưởng

Huỳnh Thiện Trị

Người lập biểu

Trần Ngọc Thúy

Trần Hoàng Khện

Cà Mau, ngày 20 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 Quang Trung, Khóm 3, P.5, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Phụ lục 01: Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	296.110.187.111	6.464.219.025	1.839.472.727	3.727.386.788	308.141.265.651
Số tăng trong năm	33.442.386.208	552.771.000	-	-	33.995.157.208
- Mua trong năm	-	552.771.000	-	-	552.771.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	33.442.386.208	-	-	-	33.442.386.208
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(81.995.256)	-	-	-	(81.995.256)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	(81.995.256)	-	-	-	(81.995.256)
Số dư cuối kỳ	329.470.578.063	7.016.990.025	1.839.472.727	3.727.386.788	342.054.427.603
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	78.776.633.676	5.116.777.322	304.291.863	1.150.877.421	85.348.580.282
Số tăng trong năm	22.207.447.337	371.851.732	183.488.636	570.918.420	23.333.706.125
- Khấu hao trong năm	22.207.447.337	371.851.732	183.488.636	570.918.420	23.333.706.125
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(15.032.464)	-	-	-	(15.032.464)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(15.032.464)	-	-	-	(15.032.464)
Số dư cuối kỳ	100.969.048.549	5.488.629.054	487.780.499	1.721.795.841	108.667.253.943
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	217.333.553.435	1.347.441.703	1.535.180.864	2.576.509.367	222.792.685.369
Tại ngày cuối kỳ	228.501.529.514	1.528.360.971	1.351.692.228	2.005.590.947	233.387.173.660

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.405.725.193

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không

NG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

04 Quang Trung, Khóm 3, P.5, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mục 02: Vay và nợ thuê tài chính

và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
dài hạn ngân hàng	27.074.982.424	27.074.982.424	-	7.748.566.618	34.823.549.042	34.823.549.042
dài hạn VNĐ	2.058.928.986	2.058.928.986	-	5.883.823.992	7.942.752.978	7.942.752.978
Ngân hàng Phát triển Cà Mau	-	-	-	4.968.744.440	4.968.744.440	4.968.744.440
Đầu tư Phát triển tỉnh Cà Mau	2.058.928.986	2.058.928.986	-	915.079.552	2.974.008.538	2.974.008.538
dài hạn EUR	25.016.053.438	25.016.053.438	-	1.864.742.626	26.880.796.064	26.880.796.064
Ngân hàng Phát triển Cà Mau (*)	25.016.053.438	25.016.053.438	-	1.864.742.626	26.880.796.064	26.880.796.064
thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
ổng	27.074.982.424	27.074.982.424	-	7.748.566.618	34.823.549.042	34.823.549.042

Đây là khoản vay có nợ gốc là 1.331.713,00 EUR nhưng được trả gốc theo tỷ giá khi nhận nợ, qui định tại hợp đồng tín dụng số 01/TDNN ngày 06/10/2006 giữa Công ty Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Cà Mau

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

04 Quang Trung, Khóm 3, P.5, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
đầu đầu năm trước	86.462.771.356	-	(1.058.835.577)	4.953.083.095	-	-	(384.196.754)
ng vốn trong năm trước	100.180.923.565	-	-	-	-	-	100.180.923.565
i trong năm trước	-	-	-	-	-	8.479.314.174	8.479.314.174
ng khác	-	-	465.261.944	786.720.843	393.360.422	-	1.645.343.209
âm vốn trong năm trước	(31.294.694.921)	-	-	(4.953.083.095)	-	-	(36.247.778.016)
trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
âm khác	-	-	-	-	-	(8.479.314.174)	(8.479.314.174)
đầu cuối năm trước	155.349.000.000	-	(593.573.633)	786.720.843	393.360.422	-	155.935.507.632
đầu đầu năm nay	155.349.000.000	-	(593.573.633)	786.720.843	393.360.422	-	155.935.507.632
ng vốn trong kỳ	-	-	1.568.292.550	-	-	-	1.568.292.550
ng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
i trong kỳ	-	-	-	-	-	10.577.749.755	10.577.749.755
ng khác	-	-	-	-	-	-	-
âm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
trong kỳ (*)	-	-	(974.718.917)	-	-	(12.687.000)	(987.405.917)
âm khác	-	-	-	-	-	-	-
đầu cuối kỳ	155.349.000.000	-	-	786.720.843	393.360.422	10.565.062.755	167.094.144.020

hoàn lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư khoản bảo lãnh dự thầu của Chính phủ Ý đã được kết chuyển sang theo dõi chung nợ phải trả ngân sách nhà nước do nợ này đang chờ hướng xử lý của hai Chính phủ Ý và Việt Nam.

